

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**LÊ NHẬT KÝ**

**THỂ LOẠI TRUYỆN ĐỒNG THOẠI  
TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN**

**Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2011**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**LÊ NHẬT KÝ**

**THỂ LOẠI TRUYỆN ĐỒNG THOẠI  
TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam  
Mã số: 62.22.34.01**

**LUẬN ÁN TIẾN SỸ NGỮ VĂN**

*Người hướng dẫn khoa học:*

**PGS-TS. NGUYỄN THỊ THANH XUÂN**

**Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2011**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào khác*

Tác giả luận án

## MỤC LỤC

<b>DẪN NHẬP</b> .....	3
<b>1. Lí do chọn đề tài</b> .....	3
<b>2. Lịch sử vấn đề</b> .....	3
<b>3. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu</b> .....	12
<b>4. Đóng góp của luận án</b> .....	14
<b>5. Phương pháp nghiên cứu</b> .....	15
<b>6. Cấu trúc của luận án</b> .....	15
<b>CHƯƠNG 1: TRUYỆN ĐỒNG THOẠI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI – LÝ THUYẾT VÀ LỊCH SỬ THỂ LOẠI</b> .....	17
<b>1.1. Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – những vấn đề lí thuyết</b> .....	17
1.1.1. Thuật ngữ truyện đồng thoại trong văn học Việt Nam .....	17
1.1.2. Các quan niệm về truyện đồng thoại ở Việt Nam .....	19
1.1.3. Những độ chênh về thuật ngữ .....	23
1.1.4. Đặc trưng thể loại truyện đồng thoại .....	26
1.1.5. Truyện đồng thoại với một số thể loại khác .....	35
<b>1.2. Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – khái quát về lịch sử</b> .....	41
1.2.1. Những nền tảng truyện kể truyền thống .....	41
1.2.2. Quá trình phát triển của truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại .....	48
1.2.3. Thành tựu phát triển của truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại .....	56
<b>CHƯƠNG 2: TRUYỆN ĐỒNG THOẠI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI –NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG</b> .....	64
<b>2.1. Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – những cảm hứng chính</b> .....	64
2.1.1. Cảm hứng về thế giới tự nhiên .....	64
2.1.2. Cảm hứng về thế giới con người .....	70
<b>2.2. Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – những bài học giáo dục</b> .....	81
2.2.1. Những bài học giáo dục nhân cách dành cho trẻ em .....	81
2.2.2. Những bài học có thể có ích cho cả người lớn .....	95
<b>CHƯƠNG 3: TRUYỆN ĐỒNG THOẠI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI - NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT</b> .....	101
<b>3.1. Hệ thống nhân vật và các biện pháp xây dựng nhân vật</b> .....	101

3.1.1. Hệ thống nhân vật.....	101
3.1.2. Các biện pháp xây dựng nhân vật .....	105
<b>3.2. Nghệ thuật tổ chức cốt truyện .....</b>	<b>116</b>
3.2.1. Các cách xây dựng cốt truyện .....	117
3.2.2. Các kiểu cốt truyện .....	120
3.2.3. Cốt truyện đồng thoại và kĩ thuật kể chuyện .....	124
3.2.4. Một số hạn chế về nghệ thuật tổ chức cốt truyện .....	135
<b>3.3. Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ .....</b>	<b>135</b>
3.3.1. Ngôn ngữ nhân vật.....	135
3.3.2. Ngôn ngữ người trần thuật.....	140
<b>CHƯƠNG 4: TRUYỆN ĐỒNG THOẠI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI – NHÌN TỪ</b>	
<b>PHƯƠNG DIỆN VỊ TRÍ THỂ LOẠI .....</b>	<b>150</b>
<b>4.1. Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – những điều kiện phát triển.....</b>	<b>150</b>
4.1.1. Điều kiện khách quan.....	150
4.1.2. Điều kiện chủ quan .....	154
<b>4.2. Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – những đóng góp .....</b>	<b>156</b>
4.2.1. Kế thừa có phát triển truyện đồng thoại dân gian.....	156
4.2.2. Đáp ứng nhu cầu của một lớp công chúng đặc biệt .....	160
4.2.3. Tham dự vào sách giáo khoa.....	164
4.2.4. Nguồn cảm hứng sáng tạo cho nhiều bộ môn nghệ thuật khác.....	167
<b>4.3. Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – những thành tựu về tác giả.....</b>	<b>172</b>
4.3.1. Tô Hoài – người đi tiên phong và tạo được đỉnh cao .....	172
4.3.2. Võ Quảng – người kết nối dân gian với hiện đại.....	177
4.3.3. Viêt Linh – người chọn một lối đi riêng.....	181
4.3.4. Xuân Quỳnh – người phả chất thơ vào truyện đồng thoại.....	185
4.3.5. Trần Đức Tiến – người chạy tiếp sức trên con đường đồng thoại .....	190
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>196</b>
<b>1. Đánh giá thành tựu phát triển của truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại.....</b>	<b>196</b>
<b>2. Đề xuất biện pháp phát triển truyện đồng thoại Việt Nam hiện</b>	
<b>đại.....</b>	<b>197</b>
<b>THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>199</b>
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, BÀI BÁO TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN</b>	
<b>ĐẾN LUẬN ÁN .....</b>	<b>219</b>
<b>PHỤ LỤC TÁC PHẨM KHẢO SÁT.....</b>	<b>221</b>

## DẪN NHẬP

### 1. Lí do chọn đề tài

Truyện đồng thoại là một thể loại đã có quá trình phát triển lâu dài, đạt được nhiều thành tựu, có một vị trí quan trọng trong văn học Việt Nam hiện đại. Thường xuyên xuất hiện trong không gian gia đình và lớp học, truyện đồng thoại trở thành người bạn thân thiết của tuổi thơ, là nguồn dinh dưỡng tinh thần không thể thiếu trong quá trình trưởng thành của mỗi con người. Trong hoạt động giao lưu giữa các nền văn hóa với nhau, nhiều tác phẩm truyện đồng thoại đã được dịch và giới thiệu, góp phần mở rộng biên độ ảnh hưởng của văn học Việt Nam ra thế giới.

Dù vậy, cho đến nay, ở Việt Nam vẫn chưa có một công trình nào tập trung nghiên cứu về truyện đồng thoại. Chọn đề tài ***Thể loại truyện đồng thoại trong văn học Việt Nam hiện đại***, chúng tôi muốn khảo sát một cách hệ thống thể loại này, góp phần khắc phục một khoảng trống đáng tiếc trong đời sống nghiên cứu văn học thiếu nhi Việt Nam.

### 2. Lịch sử vấn đề

Truyện đồng thoại hiện đại xuất hiện cùng với quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ XX và ít nhiều gây được tiếng vang với tác phẩm *Đế mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài. Dù vậy, trong giai đoạn từ 1930 đến 1945, giới lí luận phê bình đương thời chưa chú ý đến truyện đồng thoại, ngoài đoạn văn ghi nhận về “mấy truyện nhi đồng có tiếng” của Tô Hoài trong *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan [203, tr.422].

Từ năm 1945 đến nay, truyện đồng thoại được đề cập tới trong một số chuyên luận, giáo trình, bài báo khoa học, bài đọc sách, lời bình...

Căn cứ vào nội dung, chúng tôi thấy có thể khái quát các ý kiến trong các công trình nghiên cứu trên thành bốn nhóm sau:

2.1. Nhóm thứ nhất: **Nghiên cứu về đặc trưng, chức năng của thể loại truyện đồng thoại**. Liên quan đến vấn đề này có các bài viết sau: *Tìm hiểu đặc*

điểm của đồng thoại của Vân Thanh [237], Lại nói về truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi của Võ Quảng [212], Về sức tưởng tượng của đồng thoại của Nguyễn Kiên [117] và *Truyện đồng thoại viết cho lứa tuổi nhi đồng* của Định Hải [65]. Đề cập đến đặc trưng của truyện đồng thoại, các tác giả trên đều khẳng định: Truyện đồng thoại phản ánh cuộc sống không theo quy luật tả thực mà theo quy luật của tưởng tượng. Nguyễn Kiên cho rằng: “Đặc điểm nổi bật của đồng thoại là ở sự tưởng tượng vô cùng phong phú và rộng rãi, tưởng chừng như người viết có thể bịa đặt tha hồ” [117, tr.3]. Theo họ, nhờ tưởng tượng mà cuộc sống trong truyện đồng thoại “hiện lên rõ hơn, lộng lẫy hơn, có sức khái quát cao hơn”. Nhờ đó, thể loại này dễ dàng bắt nhịp với tuổi thơ, tham gia rất sớm vào quá trình hình thành nhân cách của mỗi con người [212, tr.76].

Khi nói về đặc trưng của truyện đồng thoại, các tác giả trên cũng bàn đến vấn đề nhân vật. Theo họ, hệ thống nhân vật của truyện đồng thoại rất đa dạng, nhưng trọng tâm vẫn là loài vật, và chúng được miêu tả theo một số nguyên tắc nhất định: nhân cách hóa, cách điệu hóa...: “nhân vật của đồng thoại không chỉ là người mà còn đủ cả các loài vật, loài có xương sống hoặc không có xương sống, biết nhảy, biết bay, biết lội (...), là các loài cây cỏ hoa quả mọc ở bất cứ khí hậu nào. Cả từ cây kim sợi chỉ cho đến đoàn tàu, chiếc cầu sắt, đều có thể biến thành nhân vật của đồng thoại” [212, tr.75]. Ghi nhận truyện đồng thoại ít nhiều gần gũi với truyện cổ tích và ngụ ngôn, Định Hải và Vân Thanh cho rằng, chính nhờ kết hợp nhuần nhuyễn khía cạnh tự nhiên và xã hội mà nhân vật truyện đồng thoại mang một vẻ riêng, vừa phản ánh thế giới loài vật, vừa trở thành ẩn dụ về cuộc sống con người [65],[237].

Bàn về vai trò, chức năng giáo dục của truyện đồng thoại có các tác giả Ngô Quân Miện, Lã Thị Bắc Lý và Nguyễn Ánh Tuyết. Tác giả Ngô Quân Miện nhận thấy: “Việc đưa những tình cảm, tư tưởng cao đẹp vào tâm hồn các em nhi đồng qua con đường đồng thoại là con đường có hiệu quả hơn hết” [148, tr. 85]. Nhà tâm lí học Nguyễn Ánh Tuyết trong *Đồng thoại với việc giáo dục trẻ thơ* cũng có quan điểm tương tự khi viết rằng: Truyện đồng thoại ngắn gọn, đậm chất mơ tưởng, có khả năng khơi dậy ở các em những cảm xúc thú vị, bất ngờ; đồng thời nó “khiến

cho một đứa trẻ từ một thánh giả thụ động biến thành một người tham gia tích cực vào các sự kiện của các nhân vật vốn chỉ là chim muông, cây cỏ hay những vật vô tri, vô giác mà trở thành người bạn thân thiết với chúng” [271, tr.255]. Bài viết *Truyện đồng thoại với giáo dục mẫu giáo* của Lã Thị Bắc Lý [139] tiếp cận vấn đề theo hướng khác, đó là đi vào phân tích những tác động cụ thể như việc bồi dưỡng lòng nhân ái, cảm xúc thẩm mỹ... Trên cơ sở đó, tác giả đã minh chứng được khả năng to lớn của truyện đồng thoại trong việc thực hiện chức năng giáo dục, một chức năng vốn rất được coi trọng trong văn học thiếu nhi.

Những ý kiến về đặc trưng, chức năng của truyện đồng thoại nói trên, theo chúng tôi, có giá trị về mặt lí luận, sẽ được lưu tâm khi bàn về cách hiểu truyện đồng thoại ở Việt Nam.

2.2. Nhóm thứ hai: **Nghiên cứu về tình hình phát triển và thành tựu của truyện đồng thoại.** Vấn đề này thường được nghiên cứu trong thành tựu chung của văn học thiếu nhi, hoặc trong thành tựu riêng của một tác giả.

2.2.1. **Nghiên cứu truyện đồng thoại trong diễn biến và thành tựu chung của văn học thiếu nhi:** Trên *Tạp chí Nghiên cứu Văn học* số 6/1962, nhà nghiên cứu Vân Thanh có bài viết *Văn học thiếu nhi Việt Nam*, đánh giá thành tựu văn học thiếu nhi qua mấy năm đầu phát triển. Đề cập tới một số tác phẩm truyện đồng thoại tiêu biểu như *Trăng rơi xuống giếng* (Đào Vũ), *Cuộc đời chìm nổi của chú Kiplê* (Vũ Cận), *Cái tết của Mèo con* (Nguyễn Đình Thi)..., Vân Thanh cho rằng, các tác giả đã xây dựng được những câu chuyện vui tươi, dí dỏm, có tác dụng làm phong phú thế giới tưởng tượng của các em [232, tr.30].

Đúng một năm sau, cũng trên *Tạp chí Văn học* (số 6/1963), Vân Thanh tiếp tục nêu lên tình hình phát triển của truyện đồng thoại qua bài *Truyện viết cho thiếu nhi gần đây*. Tập trung phân tích hai tác phẩm: *Cuộc phiêu lưu của Văn Ngạn tương công* (Vũ Tú Nam) và *Đám cưới chuột* (Tô Hoài, tái bản), Vân Thanh tỏ ý không tán đồng việc giáo dục các em bằng nhân vật phản diện (Văn Ngạn), vì nếu các em bắt chước những hình tượng xấu thì rất nguy hại [233, tr.61]. Nhà nghiên cứu cũng

bản khoán về tính không hợp thời của truyện *Đám cưới chuột* (Tô Hoài) trong hoàn cảnh xã hội mới.

Trong bài viết *Chặng đầu của nền văn học viết cho thiếu nhi*, Vũ Ngọc Bình ghi nhận sự xuất hiện của các cây bút trẻ như Văn Biển, Trần Hoài Dương... đã đem lại cho truyện đồng thoại giai đoạn chống Mỹ nhiều nét mới mẻ [16, tr.7]. Bài *Tìm hiểu đặc điểm của đồng thoại* của Vân Thanh cũng thể hiện một cái nhìn tương tự: sự phát triển của truyện đồng thoại trong giai đoạn chống Mỹ gắn liền với việc mở rộng chức năng phản ánh hiện thực, “đem lại cho nội dung đó hơi thở của thời đại” [237, tr.113].

Nhân năm Quốc tế thiếu nhi (1980), một cuộc hội thảo toàn quốc về văn học thiếu nhi đã được Hội nhà văn Việt Nam tổ chức tại Hà Nội (ngày 22 – 23/8/1981), thu hút sự tham gia đông đảo các nhà văn và nhà nghiên cứu. Tại Hội thảo này, nhà văn Nguyên Ngọc, thay mặt Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam trình bày bản báo cáo đề dẫn *35 năm văn học thiếu nhi*. Báo cáo khẳng định: cùng với nhiều thể loại văn xuôi khác, truyện đồng thoại đã đạt được bước tiến mạnh mẽ, nhiều tác phẩm “có sức sống, sức tỏa sáng lâu dài” [167, tr.8]. Cũng tại Hội thảo này, nhà văn Ngô Quân Miện có bài viết riêng về truyện đồng thoại với nhan đề *Đồng thoại với việc bồi dưỡng tâm hồn các em*. Trong phần đầu bài viết, tác giả khẳng định, truyện đồng thoại là loại truyện thích hợp nhất với các em nhi đồng, được nhiều người quan tâm khai thác. Nhờ vậy, theo thời gian, “cái vốn đồng thoại của chúng ta ngày một thêm dày và đa dạng hơn trước” [148, tr.82].

Trên *Báo Văn nghệ* số 30/1983, nhà thơ Định Hải cho rằng, truyện đồng thoại của ta có truyền thống từ xa xưa, phát triển mạnh trong thời kỳ hiện đại với sự đóng góp của nhiều thế hệ tác giả. Đặc điểm của truyện đồng thoại là viết về con vật nhưng là để nói về con người, về cuộc sống mới. Ưu điểm rõ nhất của truyện đồng thoại Việt Nam là “vui tươi, ngộ nghĩnh, ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng, tế nhị, ít khiên cưỡng”. Tuy vậy, truyện đồng thoại Việt Nam thường hay trùng lặp đề tài, nhân vật... Vì vậy, sức hấp dẫn của thể loại ít nhiều bị hạn chế... [65, tr.3].

Trong *Phác thảo 50 năm văn học thiếu nhi Việt Nam*, Vân Thanh thừa nhận: “Kể từ *Dế Mèn* của Tô Hoài, dòng đồng thoại luôn chảy trong văn học thiếu nhi Việt Nam” [243, tr.15].

Tài liệu *Văn học thiếu nhi* của tác giả Cao Đức Tiến được biên soạn nhằm mục đích phục vụ chương trình bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên mầm non, hệ trung học sư phạm. Theo Cao Đức Tiến, những truyện đồng thoại thành công đều “được viết bằng bút pháp vui tươi, hóm hỉnh, giàu chất thơ” [259, tr.64].

Chuyên luận *Truyện viết cho thiếu nhi sau 1975* (vốn là Luận án Tiến sĩ Ngữ Văn) của Lã Thị Bắc Lý là công trình nghiên cứu về một số thể loại truyện viết cho thiếu nhi trong khoảng thời gian từ 1975 đến 2000. Trong công trình này, tác giả không đặt nhiệm vụ khảo sát thể loại truyện đồng thoại với lí do: sau năm 1975, truyện đồng thoại “không còn phù hợp nữa” [140, tr.104]. Xem phần *Phụ lục* giới thiệu 96 tác phẩm được tác giả sử dụng khảo sát, chúng ta không thấy có tác phẩm nào thuộc thể đồng thoại. Phải chăng, những thay đổi của xã hội Việt Nam sau 1975 đã khiến cho truyện đồng thoại không còn thích ứng, buộc phải từ giã văn đàn?

Marian Tkachov là nhà văn, đồng thời là một dịch giả đã chuyên ngữ thành công *Dế Mèn phiêu lưu ký* và một số truyện đồng thoại khác của Tô Hoài, Vũ Tú Nam và Nguyễn Đình Thi sang tiếng Nga. Từ công việc của mình, ông đã thực hiện bài viết *Truyện đồng thoại Việt Nam* nhằm giúp bạn đọc Nga làm quen với văn học Việt Nam. Ông đã chỉ ra mối liên hệ mật thiết của truyện đồng thoại Tô Hoài với hội họa truyền thống, và xem “con người với súc vật nói cùng một thứ ngôn ngữ (...), điều đó đã làm câu chuyện thêm tính thuyết phục” [263, tr.276].

### 2.2.2. Nghiên cứu truyện đồng thoại trong thành tựu riêng của tác giả:

Trong trường hợp này, đối tượng nghiên cứu chính là tác giả, là toàn bộ văn nghiệp của tác giả, trong đó có những tác phẩm truyện đồng thoại. Dạng nghiên cứu này thường xuất hiện trong các chuyên luận, giáo trình và một số bài viết có tính chất khắc họa chân dung tác giả văn học.

Trước hết, phải kể đến nhà văn Tô Hoài. Trước 1945, Tô Hoài được Vũ Ngọc Phan khen là có lối viết truyện cho trẻ em “linh động và dí dỏm”, đượm màu

sắc thôn quê [203, tr.422]. Sau cách mạng, Tô Hoài được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Hầu hết các công trình nghiên cứu về Tô Hoài ít nhiều đều có đề cập đến mảng truyện đồng thoại. Có thể kể đến: *Tô Hoài viết cho lứa tuổi măng non* [46], *Nhà văn Tô Hoài* [160], *Truyện loài vật của Tô Hoài* [51], *Tô Hoài, 60 năm viết...*[126]... Theo các nhà nghiên cứu, Tô Hoài đã sáng tạo được một thế giới loài vật hết sức sinh động, có nhiều phát hiện, thể hiện một tâm hồn nhạy cảm, đậm âm của tác giả trước cuộc đời [51, tr.29]. Họ cũng đánh giá cao mảng truyện đồng thoại trước 1945 của ông, xem *Đế Mèn phiêu lưu ký* là một thành công xuất sắc, xứng đáng là kiệt tác của văn học thiếu nhi Việt Nam [48]. Về những truyện đồng thoại sau 1945, Hà Minh Đức, Phong Lê và Trần Đình Nam ghi nhận đó là kết quả của những nỗ lực nhằm đổi mới cách viết [51, tr.29], song hiệu quả nghệ thuật chưa được như ý, “không còn gây được ấn tượng sâu sắc như những truyện ông viết trong mấy năm (mới) vào nghề” [126, tr.23]... Dù vậy, trong tương quan chung, Tô Hoài vẫn xứng đáng là người ăn “giải nạn” ở thể loại này [160, tr.38].

Kế đến, phải kể tới nhà văn Võ Quảng – cây đại thụ của văn học thiếu nhi Việt Nam (1920 – 2007). Về ông, có các công trình, bài viết sau: *Đồng thoại qua ngòi bút của Võ Quảng* của Vũ Ngọc Bình [19], *Truyện viết cho thiếu nhi dưới chế độ mới* của Vân Thanh [239], *Võ Quảng, 40 năm thơ văn cho thiếu nhi* của Phong Lê [125], *Đôi điều về truyện đồng thoại Võ Quảng* của Bùi Văn Tiếng [261]; và các giáo trình: *Văn học thiếu nhi Việt Nam* của Dương Thu Hương và Trần Đức Ngôn [108], *Văn học thiếu nhi Việt Nam* của Lê Thị Hoài Nam [158], *Văn học trẻ em* của Lã Thị Bắc Lý [141], *Văn học cho thiếu nhi* của Châu Minh Hùng và Lê Nhật Ký [105]. Các ý kiến đều thống nhất nhận xét: nhiều truyện của Võ Quảng được “cấu tứ trên những sự tích dân dã” [19, tr.4], giàu chất triết lí, nhưng đó là thứ triết lí “hồn nhiên mà sâu xa” [125, tr.358], “thực sự là những công trình sư phạm góp phần giáo dục cho các em cả về trí tuệ, về thẩm mỹ và về phép đối nhân xử thế trong cuộc đời” [141, tr.45].

Đến nay, ngoài Tô Hoài và Võ Quảng, chúng ta chưa có những nghiên cứu riêng về Viết Linh, Văn Biển, Trần Hoài Dương và Trần Đức Tiến...

2.3. Nhóm thứ ba: **Nghiên cứu về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện đồng thoại.** Ở đây, tác phẩm truyện đồng thoại được xem là đối tượng nghiên cứu chính. Mục đích của người nghiên cứu là khám phá về đẹp nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Nằm trong hướng nghiên cứu này có các bài viết thuộc dạng phân tích, bình giảng, giới thiệu về một tác phẩm hay một tập truyện đồng thoại cụ thể. Tùy vào tính chất, quy mô của bài viết mà tác giả đề cập tới một hay nhiều phương diện giá trị của tác phẩm.

Trên *Báo Văn nghệ* (số 310/1969), Hoàn Mỹ có bài giới thiệu về cuốn sách *Cô Bé 20* của Văn Biển [157]. Theo tác giả, cuốn sách đầu tay này của Văn Biển đã thể hiện được một cách sinh động, ý vị về đề tài cuộc sống mới, con người mới và tỏ ra có ưu thế khi miêu tả nội tâm và cảnh sắc thiên nhiên [157, tr.14].

Giới thiệu tập truyện *Gánh xiếc lớp tôi* của Viết Linh, Vũ Ngọc Bình cho rằng, phần lớn các truyện trong tập là đồng thoại khoa học, có “hình tượng đơm chất thơ, tạo nên cái trữ tình tươi mát bên cạnh mạch tự sự chủ đạo của toàn tập” [18, tr.11].

Năm 1991, nhân dịp *Con chuột mù* của Bùi Hiền được tái bản, Văn Hồng đã *Tân mạn về Con chuột mù*, khen đó là một “áng văn hay”, vì tác giả đã vượt qua được cái khó của thể loại đồng thoại, miêu tả sinh động mối quan hệ bố chồng – nàng dâu vốn ít được chú ý trong cuộc sống cũng như trong văn chương. Theo ông, câu chuyện về loài chuột này lấp lánh tính người, tình người. Do vậy, “nửa thế kỉ đã trôi qua, thiên đồng thoại này vẫn chưa mất đi bao nhiêu ý nghĩa thời sự” [100, tr.99].

Trong *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi từ sau cách mạng tháng Tám* (Nxb Giáo dục, 1999) do Phong Thu biên soạn có 17/70 truyện đồng thoại được chọn. Cuối mỗi truyện, người tuyển chọn đều đưa ra một lời bình ngắn gọn, nhấn vào một điểm đặc sắc nào đó của câu chuyện. Trong khi bình, Phong Thu đã chú ý làm nổi bật tính chất đồng thoại của một số tác phẩm. Cụ thể, với truyện *Ếch Xanh đi học*, ông viết như sau: “Câu chuyện đồng thoại vui kể về chú Ếch Xanh đi học cứ như là kể về một cậu học trò nào đó đã ham chơi, lười học lại còn không nghe lời mẹ nên

mới gặp phải những chuyện rắc rối đại dột và trở nên yếu hèn” [255, tr.156]. Truyện *Đôi cánh của Ngựa Trắng* của nhà văn Thy Ngọc cũng được xem là “câu chuyện nhỏ, chứa đến mấy bài học lớn đựng trong cái lẵng “đồng thoại” hấp dẫn, xinh xinh...” [255, tr.264].

Dạng bài lời bình còn xuất hiện trong hai tập sách *Những câu chuyện bổ ích và lí thú* (Nxb Giáo dục, 2001) do Trần Hòa Bình và Lê Hữu Tinh tuyển chọn. Ở đây, chỉ có lời bình về truyện *Chuyện của Bong Bóng* của Lương Đình Khoa là đáng chú ý: “Chọn lời viết đồng thoại, tác giả đã tìm được một hình thức diễn đạt phù hợp với ý tưởng có màu sắc triết lí” [15, tr.132].

Giữa năm 2007, nhà xuất bản Trẻ ấn hành cuốn *Tôi là Bê-tô* của Nguyễn Nhật Ánh. Trong dịp này, một số nhà nghiên cứu, nhà văn đã có bài phê bình về cuốn sách này. Nhà nghiên cứu Phong Lê, trên tờ nhật báo *Thanh Niên* (ngày 27/5/2007), tỏ rõ sự hồ hởi: “Đã lâu lắm, tôi mới lại được đọc một truyện thú như thế”. Theo ông, cái hay của *Tôi là Bê-tô* nằm ở lối kể tự nhiên về những chuyện đời thường mà không tẻ nhạt, lại gợi được nhiều ý tưởng và triết lí hồn nhiên. Trên tờ nhật báo đó, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều cũng dành cho cuốn sách những lời khen ngợi qua việc ghi nhận về thủ pháp nhân cách hóa không những được nhà văn sử dụng mà ông còn kể về con vật đó bằng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất với một thứ ngôn ngữ gần gũi, giản dị khiến cho người đọc dễ dàng đồng cảm với nhân vật chính của câu chuyện. Mặt khác, màu sắc triết lí trong mỗi câu chuyện nhỏ cũng góp phần làm nên giá trị thẩm mỹ cho tác phẩm [248].

Trên *Kiến thức ngày nay* (số 613/2007), Lã Thị Bắc Lý xem *Tôi là Bê-tô* là một thành công mới của Nguyễn Nhật Ánh. Điểm mạnh ở thiên truyện này là xây dựng nhân vật và cách kể chuyện lôi cuốn, ngôn ngữ giàu chất thơ [142].

Đọc tập truyện *Xóm đồ chơi*, nhà văn Lý Lan nhận thấy: “Những câu chuyện Lưu Thị Lương kể đều ngắn gọn, súc tích theo tiêu chuẩn của truyện đồng thoại và hàm chứa bài học luân lí” [121].

Trong số những tác phẩm được quan tâm tìm hiểu, *Dế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài là thiên truyện được nói tới nhiều và kĩ hơn cả. Ngoài những phân tích

trong các giáo trình văn học thiếu nhi, chúng ta còn bắt gặp nhiều bài viết khác về tác phẩm này. Có thể kể tới bài viết của Văn Giá [56], Nguyễn Lộc – Đỗ Quang Lưu [134], Vũ Văn Sỹ [227], Trần Đăng Xuyên [299]... Những bài viết đó đều thống nhất khẳng định: *Đế Mèn phiêu lưu ký* là thiên truyện đồng thoại xuất sắc nhất của Tô Hoài nói riêng, của văn học Việt Nam nói chung. Về nghệ thuật, tác phẩm bộc lộ thế mạnh của ngòi bút Tô Hoài là miêu tả loài vật sinh động, ngôn từ góc cạnh và giàu biểu cảm.

Có thể nhận thấy, số tác phẩm được đưa ra phân tích, bình giảng chưa nhiều. Điều đó cũng ảnh hưởng ít nhiều đến nhận thức nói chung của công chúng về tình hình sáng tác, chất lượng của truyện đồng thoại.

2.4. Nhóm thứ tư: **Nghiên cứu truyện đồng thoại nhằm những mục đích khác.** Hướng nghiên cứu này xem truyện đồng thoại như một văn liệu có giá trị minh chứng cho một tư tưởng lí luận, hay một nhận định nào đó về xuất bản.

Tập tiểu luận, phê bình và hồi ức *Từ mục đồng đến Kim Đồng* (Nxb Kim Đồng, 1996) của Văn Hồng đề cập tới khá nhiều vấn đề của văn học thiếu nhi. Tập sách cung cấp cho độc giả nhiều thông tin thú vị về quá trình phát triển không ít thăng trầm của nhà xuất bản Kim Đồng, từ 1957 đến 1996. Trong cuốn sách đó, Văn Hồng có đoạn văn nói về tác phẩm *Cuộc phiêu lưu của Văn Ngạn tướng công* (Vũ Tú Nam) bị phê phán gay gắt ngay khi vừa phát hành (1962), bản thân nhà văn Vũ Tú Nam bị quy chụp tội “ám chỉ Đảng viên phá hoại sản xuất (!)”. Theo Văn Hồng, sự việc này đã ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng phát triển của truyện đồng thoại. Bởi vì: “Từ đó trở đi, các tác giả thường né tránh đồng thoại, hoặc viết một cách đơn giản, minh họa” [100, tr.201]. Như vậy, từ câu chuyện về tình hình xuất bản của nhà Kim Đồng, tác giả đã cung cấp cho chúng ta thông tin bổ ích về hoạt động tiếp nhận, phê bình truyện đồng thoại trong giai đoạn 1955 – 1975.

Trong *Lí luận văn học – vấn đề và suy nghĩ* (viết chung với Huỳnh Như Phương), Nguyễn Văn Hạnh dẫn trường hợp *Đế Mèn phiêu lưu ký* để lưu ý về phương pháp nhận diện thể loại Ký: “Ở đây, tác giả không đặt ra vấn đề ghi chép sự

việc đã xảy ra trong thực tế một cách trung thực. Cho nên, đây không phải là ký mà là truyện, mặc dù hình thức của nó là du ký” [72, tr.100].

Nói về phương pháp xử lý văn bản khi nghiên cứu tư tưởng của nhà văn, Nguyễn Xuân Nam trong *Lí luận văn học* (Phương Lựu chủ biên) cũng đã lấy *Đế Mèn phiêu lưu ký* làm ví dụ minh họa [191, tr.711].

Dương Huyền Ngân khảo sát *Đế Mèn phiêu lưu ký* là để tiếp cận bản sắc tiếng Hà Nội, văn hóa Hà Nội [164].

Trên đây là bức tranh chung về nghiên cứu, phê bình truyện đồng thoại ở Việt Nam trong nửa thế kỉ qua. Thực tế cho thấy, truyện đồng thoại Việt Nam đã được quan tâm ở cả trong và ngoài nước. Các ý kiến đề cập tới nhiều khía cạnh khác nhau của thể loại: đặc trưng, chức năng, tình hình phát triển và giá trị tác phẩm. Dù ý kiến chưa thật nhiều, chưa thật phong phú và hầu hết đều dừng lại ở dạng nhận định, ít đi sâu phân tích, lý giải, nhưng nếu được hệ thống lại sẽ giúp cho chúng ta những thông tin bổ ích, phục vụ thiết thực cho việc triển khai nghiên cứu đề tài.

### 3. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

#### 3.1. Đối tượng nghiên cứu

Truyện đồng thoại đã có từ lâu trong lịch sử các nền văn học. Từ thực tiễn đời sống của mình, quần chúng nhân dân đã sáng tạo nên những thiên đồng thoại đẹp và phong phú. Về sau, bị hấp dẫn bởi truyện đồng thoại dân gian, nhiều nhà văn cũng đã đi vào khai thác thể loại này. Kết quả, bên cạnh những tác phẩm truyện đồng thoại dân gian, mỗi nền văn học đều có thêm bộ phận truyện đồng thoại thành văn. Dù dân gian hay thành văn, truyện đồng thoại bao giờ cũng là một thực thể văn chương sinh động, ẩn chứa nhiều điều hấp dẫn, lí thú đối với người nghiên cứu.

**Luận án chọn truyện đồng thoại Việt Nam thành văn làm đối tượng nghiên cứu, nhưng giới hạn ở những sáng tác trong thời kì hiện đại của nền văn học.** Sở dĩ như vậy là vì, trong thời kì trung đại, việc sáng tác văn chương cho thiếu nhi chưa được quan tâm. Chỉ đến khi nền văn học chuyển sang phạm trù hiện

đại, nhiều nhà văn mới chú ý đến trẻ em, xem các em là một đối tượng độc giả có nhu cầu và đòi hỏi riêng. Trên cơ sở nhận thức như vậy, các nhà văn đã bắt tay sáng tác thơ văn cho thiếu nhi, trong đó có truyện đồng thoại. Như vậy, nghiên cứu về truyện đồng thoại trong văn học Việt Nam hiện đại là nghiên cứu những tác phẩm được viết ra bởi các nhà văn như Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Võ Quảng, Nguyễn Kiên và nhiều cây bút khác. Những sáng tác ấy được nhà văn hoàn thành và công bố trong hơn nửa thế kỉ nay, kể từ 1932 trở lại đây.

Văn học thiếu nhi là một hệ thống mở, dung nạp cả những tác phẩm thông thường (viết cho người lớn) nhưng phù hợp với lứa tuổi các em. Dựa theo quan điểm đó, luận án sẽ chú ý tới cả những tác phẩm như *Con chuột mù* (Bùi Hiền), *Ký ức của con Vện* (Trần Tiêu)...

### 3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án chủ trương **tiếp cận truyện đồng thoại từ góc độ thể loại**. Vấn đề thể loại vốn được quan tâm từ lâu trong các nền văn học. Ở Việt Nam, trong nhiều thập kỉ qua, đã có không ít công trình nghiên cứu được triển khai theo hướng này, thu được nhiều kết quả rất khả quan. Có thể nói, nghiên cứu văn học theo thể loại, trong hiện tại và tương lai, vẫn là hướng đi có nhiều triển vọng. Vận dụng vào lĩnh vực văn học thiếu nhi vốn là mảnh đất chưa được khai phá nhiều, công trình càng trở nên thiết thực, ý nghĩa.

Tiếp cận đối tượng từ góc độ thể loại, luận án quan tâm tới hai phương diện chủ yếu là lịch sử và cấu trúc tác phẩm. **Trên phương diện lịch sử**, luận án có nhiệm vụ trình bày về quá trình, đặc điểm phát triển của thể loại qua các giai đoạn lịch sử văn học; đảm bảo việc phát hiện đặc điểm phát triển của thể loại ở từng giai đoạn phải gắn với những sự kiện về tác giả, tác phẩm cùng những tác động qua lại của các yếu tố trong thể loại. Như vậy, lịch sử vận động của truyện đồng thoại không chỉ được tái hiện với dáng vẻ bề ngoài mà còn được chú ý tới những quá trình và quy luật phát triển nội tại. **Trên phương diện cấu trúc**, luận án có nhiệm vụ khảo sát các yếu tố hợp thành nội dung và hình thức thể loại, tác phẩm. Cụ thể, đó là hệ thống đề tài, cảm hứng, hệ thống hình tượng, cốt truyện, ngôn ngữ và giọng

điều... Song để làm được điều này, người nghiên cứu trước tiên phải dành thời gian **suru tầm, tập hợp** tác phẩm, **chọn mẫu** (tác giả, tác phẩm tiêu biểu) nhằm đảm bảo cho việc phân tích, khái quát về đặc điểm thể loại theo những phương diện nghiên cứu đã được xác định ở trên.

Nghiên cứu về truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại, luận án còn có nhiệm vụ **làm rõ mối liên hệ của thể loại với văn chương truyền thống, cùng những đóng góp cụ thể của nó với văn học, văn hóa Việt Nam**. Nhiệm vụ này được xác định dựa trên cơ sở nhận thức về mối liên hệ của đối tượng với văn học, văn hóa Việt Nam. Theo đó, truyện đồng thoại là một bộ phận hợp thành, vận động trong sự tương tác với các thể loại khác của nền văn học.

Giải quyết tốt các nhiệm vụ trên đây, luận án tất yếu sẽ đạt được những kết quả tích cực, góp phần làm giàu thành tựu nghiên cứu về truyện đồng thoại ở Việt Nam.

#### **4. Đóng góp của luận án**

- Trên cơ sở khảo sát một cách toàn diện lịch sử phát triển của thể loại truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại, luận án cung cấp những kết quả cần thiết góp phần vào việc tổng kết, đánh giá lịch sử văn học viết cho thiếu nhi; rộng ra là lịch sử văn học nước nhà.

- Làm sáng tỏ vốn liếng và những đóng góp của các tác giả đối với thể loại truyện đồng thoại mà lâu nay còn ít được quan tâm, giới thiệu;

- Góp phần củng cố và bổ sung những tri thức lí thuyết thể loại, hình thành một cách hiểu có tính hệ thống về truyện đồng thoại;

- Xây dựng và giới thiệu cho nhà trường (các cấp) bộ văn tuyển về truyện đồng thoại Việt Nam; gợi ý các phương pháp phân tích, vận dụng tác phẩm truyện đồng thoại vào việc rèn luyện năng lực viết văn cho sinh viên, học sinh;

- Kết quả công trình sẽ là nguồn tư liệu cần thiết giúp cho việc biên soạn giáo trình, chuyên đề văn học thiếu nhi, phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập trong nhà trường cao đẳng và đại học;

- Ngoài ra, luận án còn có ý nghĩa nhất định đối với người sáng tác, để trong suy nghĩ sáng tạo của mình, họ tìm cách đổi mới nghệ thuật viết truyện đồng thoại, tiếp tục tạo ra những tác phẩm hay, thỏa mãn yêu cầu chung của xã hội và đặc biệt là độc giả trẻ em.

## 5. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài phương pháp luận nghiên cứu văn học mácxít và lý thuyết tự sự học, luận án sẽ vận dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu cấu trúc – hệ thống
- Phương pháp nghiên cứu loại hình
- Phương pháp nghiên cứu thi pháp học lịch sử.

Cùng với các phương pháp trên, luận án còn sử dụng hệ thống các thao tác như thống kê, phân loại, phân tích, so sánh, tổng hợp... Các phương pháp và thao tác nghiên cứu nói trên sẽ được vận dụng linh hoạt trong quá trình xử lý đề tài.

## 6. Cấu trúc của luận án

Luận án gồm có 255 trang. Ngoài *Mục lục* (2 trang), *Thư mục tài liệu tham khảo* (20 trang, với 307 đề mục), *Danh mục các công trình, bài báo đã công bố liên quan đến đề tài* (2 trang), và *Phụ lục hệ thống tác phẩm khảo sát* (37 trang), nội dung chính của luận án được trình bày 196 trang, gồm:

DẪN NHẬP (14 trang, từ tr.3 đến tr.16)

Chương 1: *Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – lí thuyết và lịch sử thể loại* (47 trang, từ tr.17 đến tr. 63)

Chương này đề cập tới một số vấn đề lí thuyết về truyện đồng thoại: nguồn gốc thuật ngữ, quan niệm của văn học Việt Nam và đặc trưng, chức năng của thể loại. Kế đó, trình bày về lịch sử thể loại truyện đồng thoại hiện đại ở Việt Nam: cội nguồn và tình hình phát triển qua các giai đoạn lịch sử.

Chương 2: *Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – nhìn từ phương diện nội dung* ( 37 trang, từ tr.64 đến tr.100)

Chương này trình bày về các dạng nội dung, cảm hứng được thể hiện trong truyện đồng thoại, gồm: thế giới loài vật, thế giới trẻ em và thế giới người lớn, những bài học giáo dục dành cho trẻ em, và có thể có ích với cả người lớn.

Chương 3: *Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – nhìn từ phương diện nghệ thuật* (49 trang, từ tr.101 đến tr.149)

Chương này sẽ trình bày về những thành công và hạn chế trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật tổ chức cốt truyện và nghệ thuật ngôn ngữ.

Chương 4: *Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – nhìn từ phương diện vị trí thể loại* (46 trang, từ tr.150 đến tr.195)

Chương này lí giải những nguyên nhân đưa đến thành công cũng như hạn chế của truyện đồng thoại, những đóng góp của nó đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

KẾT LUẬN ( 3 trang, từ tr.196 đến tr.198)

## **Chương 1: TRUYỆN ĐỒNG THOẠI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI – LÝ THUYẾT VÀ LỊCH SỬ THỂ LOẠI**

### **1.1. Truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại – những vấn đề lí thuyết**

Cách nay đã nhiều năm, trên *Tạp chí Văn học* số 4/1974, nhà nghiên cứu Vân Thanh có viết rằng: “Lâu nay đọc đồng thoại, viết đồng thoại, nhưng vẫn chưa có lúc nào bàn bạc cho cặn kẽ với nhau: đồng thoại là gì? Không phải chỉ ở ta, mà ngay ở các nước bạn nhiều khi cũng chưa thật có sự thống nhất hoàn toàn trong quan niệm về đồng thoại” [237, tr.104]. Ghi nhận ấy, đến nay, dường như vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự. Bởi vậy, trước khi bàn về lịch sử phát triển, các phương diện nội dung và nghệ thuật của truyện đồng thoại, chúng ta không thể không nói đến quan niệm của văn học Việt Nam về thể loại này.

#### ***1.1.1. Thuật ngữ truyện đồng thoại trong văn học Việt Nam***

Thuật ngữ **truyện đồng thoại** trong văn học Việt Nam vốn có nguồn gốc Trung Hoa, được xác lập vào đầu thập niên 60 của thế kỉ XX. Vào thời điểm đó, chúng ta đang triển khai xây dựng nền văn học mới với sự chú ý đặc biệt tới độc giả thiếu nhi. Nhằm nâng cao chất lượng phong trào, nhà xuất bản Văn học đã tổ chức dịch, giới thiệu một số tài liệu nước ngoài về lí luận và kinh nghiệm sáng tác cho các em. Đó là những tài liệu: *Kinh nghiệm viết cho các em* (Nhiều tác giả, 1960), *Sáng tác đồng thoại và một số vấn đề khác* (Kim Cận, 1961), *Làm thơ cho các em* (Nhiều tác giả, 1961)... Trong những tài liệu nói trên, có một số bài viết của Kim Cận [23], Hạ Nghi [169], [170] bàn về sáng tác truyện đồng thoại hiện đại ở Trung Hoa. Về tính chất, đó là loại bài trao đổi về nghiệp vụ sáng tác, nhưng qua những gì mà các tác giả đã trình bày, chúng ta có thể hình dung được quan niệm của nền văn học này.

Theo Kim Cận và Hạ Nghi, **đồng thoại là một thể loại văn học nhi đồng, có hình thức đặc thù là nhân cách hóa loài vật**. Trong *Mạn đàm về vấn đề sáng*